

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TNTN
BỘ MÔN TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Cần Thơ, tháng 12 năm 2020

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 2453/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Quản lý Đất đai được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản lý Đất đai
Tên chương trình (tiếng Anh)	Land Management
Mã số ngành đào tạo	7850103
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Kỹ sư Quản lý Đất đai
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	150 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4,5 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật. - Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện, cấp xã về

	lĩnh vực Quản lý đất đai như: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, Các Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất, văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng đăng ký, trung tâm Phát triển quỹ đất các quận/huyện, Cán bộ Địa chính xã/phường. - Chuyên viên cho các UBND các cấp Tỉnh/Thành Phố, Quận/huyện; các Viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu Địa chính, Viện Tài nguyên và Môi trường, Viện Quy hoạch – Thiết kế, Cục Đo đạc bản đồ, Cục Quản lý đất đai, Chi cục Quản lý đất đai các tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các Chi cục, Trung tâm hoặc Văn phòng như: Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và Môi trường; Trung tâm Khai thác và kinh doanh bất động sản; các Khu Công nghiệp; Khu Kinh tế. - Chuyên gia tư vấn cho các công ty như: Công ty đo đạc, Công ty môi giới và định giá bất động sản; các dự án liên quan đến đất đai và bất động sản, các đơn vị thẩm định giá (ngân hàng, công ty thẩm định giá...). - Giảng viên, giáo viên hay nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai, Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các Cơ sở giáo dục đào tạo có các ngành nghề về nông nghiệp, Hiệp hội, trung tâm dạy nghề
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ sau đại học: Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên, Khoa học đất, Phát triển nông thôn, Quản lý thị trường bất động sản và các ngành gần khác. - Có khả năng tự học nâng cao trình độ để đảm nhận tốt những nhiệm vụ về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Tham khảo chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành quản lý đất đai tại các trường Đại học và Học Viện quốc gia gồm: Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh; Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Tham khảo chương trình Đại học Công lập Chiết Giang Trung Quốc “College of Public Administration Zhejiang University”
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023. - Chương trình đào tạo đã đạt kiểm định nội bộ năm 2018.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2020

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu giáo dục của chương trình đào tạo: Đào tạo kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, có đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, kỹ năng tổ chức và làm việc chuyên nghiệp trong đội - nhóm, có trách nhiệm với xã hội

2.2 Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

a. Trang bị cho sinh viên về lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng và an ninh, hiểu về pháp luật; năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản và giáo dục thể chất; kiến thức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội theo quy định hiện hành;

b. Trang bị cho sinh viên có đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên môn về kỹ thuật, khoa học và công nghệ liên quan đến quản lý đất đai;

c. Trang bị cho sinh viên hệ thống hóa được các văn bản pháp quy quản lý Nhà nước về đất đai; hình thành và phát triển khả năng triển khai và thực hiện được việc đánh giá, phân tích, chất lượng đất đai; thiết kế được các tiêu chí trong đánh giá, định giá, quy hoạch phân bố sử dụng đất đô thị và nông nghiệp;

d. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng tự học, học tập suốt đời, năng lực tự nghiên cứu, làm việc nhóm và tiếp thu các thành tựu khoa học-kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với sự phát triển của xã hội.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học sẽ đạt được:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Cho thấy hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; có sức khỏe; kiến thức về giáo dục quốc phòng phục vụ yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

b. Cho thấy kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;

c. Cho thấy kiến thức cơ bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Cho thấy kiến thức cơ bản về đất đai, chất lượng về điều kiện tự nhiên và môi trường đất đai;

b. Cho thấy kiến thức cơ bản về pháp luật trong quản lý đất đai và quản lý đô thị trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai;

c. Cho thấy kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, viết và trình bày báo cáo khoa học trong quản lý tài nguyên đất đai và Anh văn chuyên ngành;

d. Cho thấy kiến thức về kỹ thuật-công nghệ trong quản lý đất đai.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Nắm vững kiến thức về các trang thiết bị, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong việc xây dựng, quản lý, mô phỏng và dự báo tài nguyên đất đai

b. Nắm vững kiến thức chuyên môn về kinh tế về đất, vận dụng công cụ pháp luật và quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

c. Nắm vững kiến thức chuyên môn về quy hoạch, chiến lược phát triển, quản lý và khai thác nguồn tài nguyên đất đai;

d. Nắm vững kiến thức chuyên môn thực tế kinh nghiệm từ các cơ quan địa phương về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đất đai.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a. Vận hành được thiết bị kỹ thuật và quy trình trong công tác đo đạc và lập bản đồ chuyên ngành và chuyên đề; vận dụng sáng tạo các công nghệ tiên tiến phục vụ công tác xây dựng, quản lý, mô phỏng và dự báo nguồn tài nguyên đất đai;.

b. Vận dụng được các văn bản pháp luật của Nhà nước trong công tác đăng ký, cấp giấy; thống kê, kiểm kê chỉnh lý biến động đất đai; kinh tế về đất; giải quyết được tranh chấp đất đai; diễn giải được các nội dung trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai;

c. Thực hiện được công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng được các dự báo trong quản lý và khai thác sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai; lựa chọn được chính sách phục vụ giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý đất đai có hiệu quả.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Vận dụng được kiến thức chuyên môn vào công tác quản lý Nhà nước về đất đai; phát triển năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình tốt, kỹ năng quản lý và khởi nghiệp trong lĩnh vực đất đai, khả năng học tập suốt đời;

b. Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) theo quy định để giao tiếp thông dụng và đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu công tác trong thời kỳ hội nhập; sử dụng được công nghệ thông tin trong quản lý đất đai và các phương tiện hỗ trợ, phương tiện giao tiếp đa truyền thông khi làm việc với cộng đồng;

c. Tư duy theo hệ thống, tích cực và sáng tạo; phát triển năng lực tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo; thiết lập được công tác quản lý, điều hành và vận hành kỹ thuật.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

a. Thể hiện lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng; ý thức tổ chức kỷ luật; hiểu biết về các giá trị đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; xây dựng được ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng;

b. Thể hiện thái độ làm việc nghiêm túc, các quy định về đạo đức, trung thực, đúng đắn, khách quan trong nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, trong các thao tác kỹ thuật, nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế;

c. Thể hiện tinh thần cầu tiến, thói quen học tập suốt đời, không ngừng học tập nâng cao nghề nghiệp, xây dựng được mối quan hệ với đồng nghiệp và cộng đồng.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (3)																			
	Kiến thức (3.1)											Kỹ năng (3.2)						Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)		
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành 3.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)				Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)					
a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	
2.2a	x	X														X			X	X
2.2b		X					X	X		X	X	X					X		X	
2.2c		x		X	X		X		X	X	X		X	X	X		X		X	
2.2d			X			X		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra															Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
			Kiến thức								Kỹ năng											
			Khối kiến thức giáo dục đại cương			Khối kiến thức cơ sở ngành				Khối kiến thức chuyên ngành				Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																						
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x														x			x		x
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x														x			x		x
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x														x			x		x
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	x														x			x		x
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	x														x			x		x
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			x												x	x				x
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			x												x	x				x
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			x												x	x				x
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			x												x	x				x
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			x												x	x				x
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			x												x	x				x
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			x												x	x				x
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			x												x	x				x
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			x												x	x				x
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			x												x	x				x
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			x												x	x				x
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			x												x	x				x
18	TN033	Tin học căn bản (*)		x													x	x			x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra															Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
			Kiến thức											Kỹ năng								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương			Khối kiến thức cơ sở ngành				Khối kiến thức chuyên ngành				Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)		x													x	x			x	x
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	x														x		x	x		x
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x														x		x	x		x
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x														x		x	x		x
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x														x		x	x		x
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														x		x	x		x
25	KL001	Pháp luật đại cương		x											x		x		x	x		x
26	ML007	Logic học đại cương		x													x		x	x		x
27	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam		x													x		x	x		x
28	XH012	Tiếng Việt thực hành		x													x		x	x		x
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương		x													x		x	x		x
30	XH028	Xã hội học đại cương		x													x		x	x		x
31	KN001	Kỹ năng mềm		x													x		x	x		x
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		x													x		x	x		x
33	TN016	Điện và quang đại cương		x													x		x	x		x
34	SP075	Đại cương về trái đất		x													x		x	x		x
35	TN012	Đại số tuyến tính và hình học		x										x		x	x	x	x	x		x
36	TN010	Xác suất thống kê		x										x		x	x	x	x	x		x
Khối kiến thức cơ sở ngành																						
37	MT155	Trắc địa đại cương							x					x		x	x				x	x
38	SP015	Địa chất đại cương				x										x	x				x	x
39	CN004	Khí tượng thủy văn				x										x	x	x			x	
40	NN230	Thổ nhưỡng A				x										x	x		x		x	x
41	NN508	Đánh giá đất				x			x							x	x	x			x	x
42	NN288	Viễn thám đại cương							x					x			x	x	x		x	x
43	MT266	Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS)							x					x		x	x	x	x		x	x
44	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính					x								x		x				x	x
45	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai					x		x					x	x	x	x				x	x
46	MT418	Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT						x							x	x	x	x	x		x	x
47	MT342	Đánh giá tác động môi trường				x	x									x	x		x		x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra																Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			Kiến thức											Kỹ năng								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương			Khối kiến thức cơ sở ngành				Khối kiến thức chuyên ngành				Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
48	KL327	Luật đất đai					x								x		x			x	x	
49	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính							x					x	x		x	x			x	x
50	MT157	Nông nghiệp đô thị				x										x	x				x	x
51	MT199	Anh văn chuyên ngành TN&MT						x	x					x		x	x	x			x	x
52	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN						x	x					x			x	x			x	x
Khối kiến thức chuyên ngành																						
53	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn									x	x				x	x		x	x	x	x
54	MT158	Quản lý đô thị									x				x	x	x		x		x	x
55	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị										x			x	x	x		x		x	x
56	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai										x		x	x	x	x			x	x	x
57	NN248	Đo đạc địa chính								x				x			x	x	x		x	x
58	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS-LIM								x				x					x		x	
59	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai								x		x				x	x		x		x	
60	MT419	Quy hoạch sử dụng đất								x		x	x	x		x	x		x		x	x
61	NN259	Phân hạng và định giá đất									x	x			x		x		x		x	
62	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản									x				x				x	x		
63	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai									x				x		x			x	x	
64	MT223	Mô hình hoá trong quản lý đất đai								x		x		x		x	x		x		x	
65	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị								x		x		x			x	x	x		x	x
66	NN298	Viễn thám ứng dụng								x				x			x	x			x	
67	MT225	Kỹ năng chuyên ngành								x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
68	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai									x		x		x		x		x	x	x	x
69	NN502	Rèn nghề - QLĐĐ											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
70	NN261	TT. Chuyên ngành – QLĐĐ											x	x	x	x	x		x		x	x
71	NN521	Phong thủy										x				x	x				x	x
72	MT240	Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai										x				x	x	x			x	x
73	MT226	Thông kê địa lý								x				x			x	x	x		x	
74	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai									x					x			x		x	x
75	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai									x					x	x		x		x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra																Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			Kiến thức											Kỹ năng								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương			Khối kiến thức cơ sở ngành				Khối kiến thức chuyên ngành				Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
76	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất									x	x				x			x		x	x
77	NN377	Hệ thống canh tác										x				x	x		x		x	x
78	NN297	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính								x				x	x		x	x		x	x	
79	MT406	Kỹ thuật và ứng dụng UAV								x				x			x	x			x	
80	MT404	Báo cáo chuyên đề - QLDD						x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
81	MT261	Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai										x		x		x	x		x		x	x
82	MT262	Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai										x		x		x	x		x		x	x
83	MT263	Xử lý số liệu đo đạc								x				x			x		x		x	
84	MT264	Quản lý công trình xây dựng đô thị									x					x	x		x		x	
85	MT265	Phân tích và Thiết kế HTTT địa chính								x				x			x		x		x	
86	MT453	Tiểu luận tốt nghiệp - QLDD								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
87	MT503	Luận văn tốt nghiệp - QLDD								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 2453/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Quản lý Đất đai, chuyên ngành Quản lý Đất đai được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 150 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 48 tín chỉ (Bắt buộc: 31 tín chỉ; Tự chọn: 17 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 35 tín chỉ (Bắt buộc: 33 tín chỉ; Tự chọn: 02 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 67 tín chỉ (Bắt buộc: 45 tín chỉ; Tự chọn: 22 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30				Bố trí theo nhóm ngành
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30				Bố trí theo nhóm ngành
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65			Bố trí theo nhóm ngành
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10			Bố trí theo nhóm ngành
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I, II, III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I, II, III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I, II, III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I, II, III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I, II, III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I, II, III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I, II, III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I, II, III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I, II, III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I, II, III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I, II, III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I, II, III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I, II, III
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I, II, III
26	ML007	Logic học đại cương	2		4	30				I, II, III
27	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I, II, III
28	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I, II, III
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I, II, III
30	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I, II, III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I, II, III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I, II, III
33	TN016	Điện và quang đại cương	2			30				I, II, III
34	SP075	Đại cương về trái đất	2			30				I, II, III
35	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60				I, II, III
36	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I, II, III
Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 17 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
37	MT155	Trắc địa đại cương	3	3		30	30			I, II
38	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30			I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
39	CN004	Khí tượng thủy văn	2	2		20	20			I, II
40	NN230	Thổ nhưỡng A	3	3		30	30	SP015		I, II
41	NN508	Đánh giá đất	2	2		15	30	NN230		I, II
42	NN288	Viễn thám đại cương	2	2		20	20			I, II
43	MT266	Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS)	3	3		30	30			I, II
44	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	2		30				I, II
45	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	2		30				I, II
46	MT418	Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT	2	2		15	30			I, II
47	MT342	Đánh giá tác động môi trường	2	2		30				I, II
48	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL001		I, II
49	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	3		30	30			I, II
50	MT157	Nông nghiệp đô thị	2	2		30				I, II
51	MT199	Anh văn chuyên ngành TN&MT	2		2	30				I, II, III
52	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		FL003		I, II
Cộng: 35 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 02 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2	2		30		NN508		I, II
54	MT158	Quản lý đô thị	2	2		30				I, II
55	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị	2	2		20	20			I, II
56	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	2	2		30		NN230		I, II
57	NN248	Đo đạc địa chính	3	3		15	60	MT155		I, II
58	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS-LIM	3	3		15	60	NN243		I, II
59	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai	2	2		30				I, II
60	MT419	Quy hoạch sử dụng đất	3	3		30	30	NN508		I, II
61	NN259	Phân hạng và định giá đất	2	2		15	30	NN508		I, II
62	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản	3	3		30	30	NN259		I, II
63	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai	2	2		30		KL327		I, II
64	MT223	Mô hình hoá trong quản lý đất đai	2	2		20	20			I, II
65	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị	3	3		30	30			I, II
66	NN298	Viễn thám ứng dụng	2	2		15	30	NN288		I, II
67	MT225	Kỹ năng chuyên ngành	2	2		20	20			I, II
68	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai	2	2		30				I, II
69	MT458	Rèn nghề - QLDD	2	2			60			III
70	NN261	TT. Chuyên ngành – QLDD	2	2			60			III
71	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai	2			30				I, II
72	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai	2			30				I, II
73	NN521	Phong thủy	2		8	20	20			I, II
74	MT240	Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai	2			20	20			I, II
75	MT226	Thông kê địa lý	2			15	30			I, II
76	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	2			20	20			I, II
77	NN377	Hệ thống canh tác	2			30				I, II
78	MT262	Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai	2			30				I, II
79	MT406	Kỹ thuật và ứng dụng UAV	2			20	20			I, II
80	MT404	Báo cáo chuyên đề - QLDD	2			30				I,II,III
81	MT503	Luận văn tốt nghiệp - QLDD	14		14		420	≥ 120 TC		I, II
82	MT453	Tiểu luận tốt nghiệp - QLDD	6				180	≥ 120 TC		I, II
83	NN297	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2			15	30			I, II
84	MT261	Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai	2			30				I, II
85	MT263	Xử lý số liệu đo đạc	2			30		MT197		I, II
86	MT264	Quản lý công trình xây dựng đô thị	2			30				I, II
87	MT265	Phân tích và Thiết kế HTTT địa chính	2			30		MT223		I, II
Cộng: 67 TC (Bắt buộc: 45 TC; Tự chọn: 22 TC)										
Tổng cộng: 150 TC (Bắt buộc: 109 TC; Tự chọn: 41 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30			
3	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			
4	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60			
5	TN033	Tin học căn bản	1	1		15			
6	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		
7	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			
		Cộng	18	14	4				
Học kỳ 2									
1	CN004	Khí tượng thủy văn	2	2		20	20		
2	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL001	
3	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
4	QP006	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30			
5	QP007	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30			
6	QP008	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65		
7	QP009	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10		
8	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30		
9	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30		
		Cộng	19	18	1				
Học kỳ 3									
1		Môn tự chọn	2		2				
2	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
3	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	
4	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
5	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	3		30	30		
6	MT155	Trắc địa đại cương	3	3		30	30		
7		Môn tự chọn	2		2				
8	MT418	Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT	2	2		15	30		
		Cộng	19	12	7				
Học kỳ 4									
1	NN288	Viễn thám đại cương	2	2		20	20		
2	NN230	Thổ nhưỡng A	3	3		30	30	SP015	
3	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	3		45		XH024	
4	MT342	Đánh giá tác động môi trường	2	2		30			
5	MT266	Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS)	3	3		30	30		
6	MT157	Nông nghiệp đô thị	2	2		30			
7	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
8		Môn tự chọn	2		2				
		Cộng	19	17	2				
Học kỳ 5									
1	NN508	Đánh giá đất	2	2		15	30	NN230	
2	NN298	Viễn thám ứng dụng	2	2		15	30	NN288	
3	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	2		30			
4	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	2		30			
5	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai	2	2		30			
6		Môn tự chọn	2		2				
7	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1		30		
8	MT419	Quy hoạch sử dụng đất	3	3		30	30	NN508	
9	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS-LIM	3	3		15	60	NN243	
		Cộng	19	16	3				
Học kỳ 6									
1	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	2	2		30		NN230	
2	MT197	Đo đạc địa chính	3	3		15	60	MT155	
3		Môn tự chọn	2		2				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
4	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1		30		
5	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai	2	2		30		KL327	
6	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai	2	2		30			
7	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2	2		30		NN508	
8	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị	2	2		20	20		
9	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị	3	3		30	30		
		Cộng	19	16	3				
Học kỳ 7									
1		Môn tự chọn	2		2				
2	NN259	Phân hạng và định giá đất	2	2		15	30	NN508	
3	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản	3	3		45		NN259	
4	MT223	Mô hình hóa trong quản lý đất đai	2	2		20	20		
5	MT158	Quản lý đô thị	2	2		30			
6	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai	2	2		30			
7	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai	2	2		30			
8	MT225	Kỹ năng chuyên ngành	2	2		20	20		
9		Môn tự chọn	2		2				
		Cộng	19	15	4				
Học kỳ 8									
1	NN261	TT. Chuyên ngành - QLDD	2	2			60		HK 3
2	MT458	Rèn nghề - QLDD	2	2			60		HK 3
		Cộng	4	4					
Học kỳ 9									
1	MT503	Luận văn tốt nghiệp - QLDD	14	14			420	≥ 120 TC	
		Tổng cộng	14	14					

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	02	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	02	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng

				gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	03	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tấn công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	01	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm giới thiệu cho người học về lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	03	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	04	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	03	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	03	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại	Khoa Ngoại ngữ

				phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	04	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	03	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	03	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình	Khoa Ngoại ngữ

				giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	04	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	03	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	03	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	04	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo	Khoa Ngoại ngữ

				chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	03	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	03	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	01	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Sư phạm
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	02	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Sư phạm

20	ML014	Triết học Mác – Lênin	03	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	02	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	02	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về	Khoa Khoa học Chính trị

				cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	
25	KL001	Pháp luật đại cương	02	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Luật
26	ML007	Logic học đại cương	02	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
27	XH028	Xã hội học đại cương	02	Môn học nghiên cứu quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Tự nhiên
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	02	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Sư phạm
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	02	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Sư phạm

30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	02	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Tự nhiên
31	KN001	Kỹ năng mềm	02	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	02	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
33	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	04	Học phần cung cấp kiến thức toán học cơ bản về môn Đại số tuyến tính như: Hệ phương trình tuyến tính, Ma trận, định thức, Không gian vec tơ, Ánh xạ tuyến tính, Giá trị riêng, Vec tơ riêng, Dạng toàn phương và kiến thức cơ bản về Đường bậc hai trong mặt phẳng, Mặt bậc hai trong không gian cho bởi phương trình chính tắc để sinh viên có cơ sở học tiếp các học phần toán học khác và các học phần chuyên ngành sau này. Ngoài trang bị các vấn đề về lý thuyết, học phần cũng cung cấp một hệ thống các bài tập đa dạng, sắp xếp từ dễ đến khó và các bài tập nâng cao nhằm nâng cao khả năng tư duy của sinh viên	Khoa Khoa học Tự nhiên
34	TN010	Xác suất thống kê	03	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác suất thống kê. Sinh viên có kỹ năng giải quyết các bài toán xác suất thống kê cơ bản, vận dụng kiến thức vào trong thực tiễn. Giúp sinh viên hệ thống hoá những khái niệm quan trọng liên quan thực tế nghiên cứu mà còn mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa thử nghiệm và suy luận thống kê. Sinh viên vận dụng thống kê trong xử lý và trình bày kết quả phân tích dữ liệu một cách hợp lý, khoa học, có tính chính xác và thuyết phục cao.	Khoa Khoa học Tự nhiên

35	TN016	Điện và quang đại cương	02	Học phần gồm 10 chương, sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành điện trường, từ trường, giao thoa, nhiễu xạ, ...; các định luật cơ bản và đại lượng đặc trưng trong điện, từ và quang học sóng; đặc tính của vật dẫn, điện môi, vật liệu từ và ánh sáng trong môi trường. Từ đó sinh viên có khả năng hiểu và giải thích được các hiện tượng trong tự nhiên liên quan, nguyên tắc cấu tạo và vận hành thiết bị điện, từ và quang. Ngoài ra, học phần là một trong những môn cơ bản giúp sinh viên chuyên ngành kỹ thuật học tập tốt những môn cơ sở ngành và chuyên ngành.	Khoa Khoa học Tự nhiên
36	SP075	Đại cương về Trái Đất	02	Học phần Đại cương về Trái Đất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Vũ trụ (quan niệm vũ trụ, một số thuyết về vũ trụ, các mô hình vũ trụ, sự hình thành các thiên hà, các giả thuyết nguồn gốc Hệ Mặt Trời và Trái Đất, ...), Hệ Mặt Trời (đặc điểm chung của Hệ, các thiên thể trong Hệ Mặt Trời); Trái Đất (quá trình nhận thức về hình dạng của Trái Đất và ý nghĩa về mặt địa lý và địa vật lý về hình dạng và kích thước của Trái Đất, cấu trúc và trạng thái và kích thước của Trái Đất, cấu trúc và trạng thái vật chất bên trong Trái Đất, một số đặc điểm của trái đất, các vận động của Trái Đất-Vận động tự quay, vận động quanh Mặt Trời, vận động của hệ thống Trái Đất-Mặt Trăng và hệ quả của các vận động) và lớp vỏ địa lý của Trái Đất (các lớp vỏ bộ phận, những quy luật đang tồn tại và chi phối các lớp vỏ, môi trường địa lý và ảnh hưởng của môi trường địa lý tới đời sống xã hội và các dạng tài nguyên trong môi trường địa lý).	Khoa Sư phạm
37	MT155	Trắc địa đại cương	03	Trắc địa là một môn khoa học về đo đạc mặt đất để xác định hình dáng, kích thước Trái Đất, biểu diễn mặt đất thành bản đồ, đo đạc bố trí các công trình. Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về trái đất, hệ tọa độ, độ cao. Các phương pháp đo đạc, cách thức thiết kế khu đo, cách xử lý tính toán giá trị đo đạc thực địa.	Khoa MT&TN TN
38	SP015	Địa chất đại cương	02	Học phần địa chất đại cương sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo của Trái Đất, cấu tạo vỏ Trái Đất, các đặc tính nhận diện của tinh khoáng, từ đó sinh viên có thể phân biệt được tinh khoáng và đá; các loại tinh khoáng; các loại đá với nhau. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển hay tác dụng của không khí đối với đá tinh khoáng.	Khoa Sư phạm
39	CN004	Khí tượng Thủy văn	02	Môn học giới thiệu về: Kiến thức Cơ bản về khí tượng, khí hậu học, biến đổi khí hậu toàn cầu và khả năng cải tạo lại khí hậu; Đại cương về sông ngòi và sự hình thành dòng chảy (mặt và ngầm); Phân tích các yếu tố khí tượng tác động đến chế độ thủy văn; Đặc tính thủy văn vùng ảnh hưởng thủy triều (vùng nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu Long).	Khoa MT&TN TN

40	NN230	Thổ nhưỡng A	03	Học phần được biên soạn với các nội dung liên quan đến nguồn gốc hình thành đất, các thành phần cấu tạo đất những tính chất vật lý đất cơ bản nhưng quan trọng và ảnh hưởng đến độ phì nhiêu đất đai như: dung trọng, tỷ trọng và các dạng nước ở trong đất. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hóa học đất bao gồm những đặc tính hóa học đất cơ bản và các tiến trình hóa học xảy ra trong đất. Học phần cũng cung cấp kiến thức cho sinh viên liên quan đến phân loại và khảo sát lập bản đồ đất. Nội dung của học phần cũng chú trọng đến thực tập thực tế của sinh viên, trang bị cho sinh viên khả năng tự phân tích và đánh giá các chỉ tiêu lý, hóa đất cơ bản cũng như nhận diện được một hình thái phẫu diện đất, trong đó tập trung nhận diện tầng phen và tầng sinh phen. Đây là hai tầng đất gây trở ngại chính cho canh tác ở ĐBSCL	Khoa MT&TN TN
41	NN508	Đánh giá đất	02	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và biến làm thế nào ứng dụng quy trình để xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai. Trang bị cho sinh viên về phương pháp đánh giá khả năng thích nghi của đất đai. Từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.	Khoa MT&TN TN
42	NN288	Viễn thám đại cương	02	Học phần Viễn thám đại cương bao gồm các vấn đề sau: - Lịch sử phát triển của khoa học viễn thám và các hệ thống viễn thám phổ biến trên thế giới. - Nguyên lý cơ bản của viễn thám, cơ sở vật lý, cách thức thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. - Các vấn đề chung về như bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên. - Các khái niệm chung về ảnh hàng không; nguyên lý chụp ảnh hàng không. - Khái niệm cơ bản về giải đoán ảnh viễn thám; cơ sở giải đoán ảnh viễn thám; các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám và quy trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai bằng tư liệu ảnh viễn thám.	Khoa MT&TN TN
43	MT266	Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS)	3	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thành phần, các chức năng của một hệ thống thông tin địa lý (GIS), kỹ năng về xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu địa lý, các chức năng phân tích dữ liệu không gian cũng như phi không gian, quá trình xây dựng và biên tập bản đồ chuyên đề trên một phần mềm GIS phổ dụng, đồng thời giới thiệu một số ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý trong quản lý Môi trường & TNTN, quản lý đất đai	Khoa MT&TN TN

44	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	02	- Khái quát về công tác lưu trữ - Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của tài liệu lưu trữ, phòng lưu trữ và công tác lưu trữ. - Phương pháp lập hồ sơ lưu trữ. - Văn bản quản lý nhà nước về đất đai và đo đạc bản đồ. - Công tác lưu trữ tài liệu địa chính. - Công tác bảo quản tài liệu lưu trữ địa chính	Khoa MT&TN TN
45	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	02	- Các vấn đề chung về đăng ký đất đai và đăng ký biến động. - Khái quát về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Các vấn đề về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Việt Nam. - Những vấn đề chung về thống kê, kiểm kê đất đai. - Quy phạm thành lập bản đồ và các phần mềm sử dụng trong thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. -Thực hiện bài tập khái quát về quy trình thực hiện thống kê, kiểm kê và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Khái quát về biến động đất đai và nghiên cứu biến động đất đai trong công tác quản lý sử dụng đất.	Khoa MT&TN TN
46	MT418	Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT	02	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khoa học, nghiên cứu khoa học và một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách đo đạc, và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng.	Khoa MT&TN TN
47	MT342	Đánh giá tác động Môi trường	02	Học phần môn Đánh giá tác động môi trường bao gồm 03 phần chính như sau: Phần 1: Cơ sở khoa học của việc đánh giá tác động môi trường: phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, phát triển bền vững và đánh giá tác động môi trường. Bản chất của hệ môi trường, nguyên lý đánh giá tác động môi trường. Phần 2: Nội dung quản lý môi trường môi trường: phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về về quản lý môi trường, cơ sở pháp luật và những hoạt động hiện nay của nhà nước về việc quản lý môi trường. Phần 3: Phương pháp đánh giá tác động môi trường: phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các dạng dự án, phương pháp viết báo cáo đánh giá tác động môi trường, các quy định cũng như thủ tục xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.	Khoa MT&TN TN
48	KL327	Luật đất đai	03	Nội dung chính của học phần tập trung công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và chế độ sử dụng đất theo pháp luật đất đai Việt Nam hiện hành. Kiến thức nền cần	Khoa Luật

				được truyền đạt trước khi nghiên cứu về hai nội dung chính là lý luận chung về pháp luật đất đai (cụ thể như tầm quan trọng của đất đai, vấn đề sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai và lịch sử phát triển pháp luật đất đai qua các thời kỳ). Trong nội dung quản lý nhà nước về đất đai, làm rõ tổ chức hệ thống cơ quan quản lý đất đai và vai trò của từng cơ quan; truyền đạt và phân tích quy định về hoạt động quy hoạch sử dụng đất, phân phối đất đai... Trong nội dung chế độ sử dụng đất làm rõ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đặc biệt là các giao dịch về quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; cuối cùng là pháp luật về giải quyết tranh chấp và khiếu nại, khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai.	
49	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính	03	Môn học tập trung vào các nội dung liên quan đến thành lập các loại bản đồ phục vụ công tác quản lý đất đai bao gồm: Bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất. để thực hiện điều đó, các loại bài học lý thuyết cung cấp kiến thức về thiết lập các hệ quy chiếu dùng làm cơ sở để thành lập bản đồ, các quy định và nội dung của các loại bản đồ. Phần thực tập hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng, thao tác để xây dựng được bản đồ địa chính. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất tổng hợp từ bản đồ địa chính trên phần mềm chuyên dụng.	Khoa MT&TN TN
50	NN297	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	02	Nội dung của học phần được chia làm 2 phần: lý thuyết và thực hành gồm các nội dung về tổ chức dữ liệu và quản lý người dùng trên hệ quản trị CQL Server; phương pháp tổ chức cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính trên SQL Server; khai thác cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính; quản lý và cấp giấy chứng nhận đăng ký đất đai trên phần mềm ViLIS qua mạng máy tính. Phần thực hành gồm 5 bài và 3 nội dung chính: xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và người dùng trên SQL Server, cài đặt, thiết lập cấu hình cho phần mềm quản lý hồ sơ địa lý ViLIS, khai thác nâng cao cơ sở dữ liệu địa chính bằng các công cụ quản lý dữ liệu trực tiếp.	Khoa MT&TN TN
51	MT157	Nông nghiệp đô thị	02	Học phần sẽ truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nông nghiệp đô thị, các khái niệm về nông nghiệp đô thị, vai trò, lợi ích, các tính chất của nông nghiệp đô thị. Mối quan hệ giữa cư dân đô thị và nông nghiệp đô thị ven đô, nông nghiệp đô thị và ven đô trên thế giới, nông dân đô thị bền vững, nông nghiệp đô thị ở đồng bằng Sông Cửu Long; nhằm nâng cao kiến thức về sản xuất nông nghiệp tại chỗ, đáp ứng sự hài hòa với thiên nhiên trong xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay.	Khoa MT&TN TN
52	MT158	Quản lý Đô thị	02	Đô thị đóng vai trò là hạt nhân trong các loại hoạt động và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của một quốc gia. Đô thị hóa với tốc độ ngày nay càng cao là xu thế chung tất yếu của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Do đó, vấn đề quản lý và phát triển đô thị là cần thiết và mang tính chất	Khoa MT&TN TN

				quyết định cho sự phát triển của mỗi đô thị và mạng lưới đô thị của quốc gia và thế giới. Quản lý đô thị mang tính chất là một ngành khoa học tổng hợp với sự tham gia của nhiều ngành và nhiều cấp khác nhau và tuân theo quy luật phát triển khách quan. Để quản lý đô thị được hiệu quả, cần có sự phối hợp của tất cả các thành phần trong hệ thống đô thị trong việc nhận diện các vấn đề, phân tích và giải quyết chung theo quy luật của vận động. Nội dung của môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và phát triển đô thị, những lĩnh vực trọng tâm được xem như nền tảng của phát triển đô thị.	
53	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn	02	Trang bị được kiến thức cơ bản về Quy hoạch và phát triển nông thôn (khái niệm về sự nghèo đói, thế nào là kém phát triển...). Nắm được kiến thức cơ sở về sự phân hóa trong nông thôn, nguyên nhân và tình trạng nghèo đói ở nông thôn từ đó sinh viên có thể hiểu được các phương pháp phát triển nông thôn. Ngoài ra, sinh viên được cung cấp kiến thức các vấn đề liên quan đến xây dựng và quản lý dự án trong quy hoạch và phát triển nông thôn. Đây là kiến thức cơ bản giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng làm việc tại các phòng chức năng Quận, Huyện và Sở Tài Nguyên Môi Trường.	Khoa MT&TN TN
54	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai	02	Học phần cung cấp các kiến thức về các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam cũng như các cách thức tổ chức bộ máy ngành Quản lý đất đai ở Việt Nam.	Khoa MT&TN TN
55	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị	02	Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về việc phân tích chiến lược và phát triển kinh tế - xã hội, phân bố dân cư và lao động, cải tạo và phát triển mạng lưới cư dân, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường để làm cơ sở quy hoạch xây dựng phát triển các điểm dân cư, đặc biệt là đô thị trong phạm vi toàn quốc hay trong các vùng lãnh thổ địa phương. Đồng thời cung cấp những nội dung cơ bản có tính chất nguyên lý thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị. Những quy định chi tiết liên quan đến tạo cảnh quan không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị nhằm giúp người học nắm vững những quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.	Khoa MT&TN TN
56	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	02	Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về tài nguyên đất đai, tình hình khai thác, sử dụng đất; khai thác các nguồn tài nguyên đất đai và các biện pháp cải tạo, bảo vệ nguồn tài nguyên; nhằm nâng cao kiến thức về khai thác và quản lý, đáp ứng sự phát triển kinh tế và giữ được nguồn lợi tự nhiên của đất nước.	Khoa MT&TN TN
57	NN248	Đo đạc địa chính	04	Giúp cho sinh viên hiểu được nguyên lý cấu tạo các máy đo góc, đo khoảng cách, đo độ cao và phương pháp đo ngắm, xử lý kết quả đo; các vấn đề thành lập lưới khống chế tọa độ mặt phẳng và độ cao phục vụ đo vẽ bản đồ địa chính; các phương pháp đo vẽ thành lập bản đồ địa chính và phương pháp sử dụng chúng phục vụ quản lý đất đai. Sinh viên nắm vững phương pháp lập lưới khống chế đo	Khoa MT&TN TN

				vẽ, lập đường chuyển kinh vĩ và ứng dụng đặc biệt trong đo đạc lập bản đồ địa chính.	
58	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	03	Môn học giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai hiểu và xây dựng được hệ thống quản lý thông tin đất đai, các cấu trúc cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất. Giới thiệu những đối tượng liên hệ quan đến công tác quản lý đất đai, những phương pháp và kỹ thuật hiện đại được áp dụng trong xây dựng và quản lý thông tin đất đai. Đây là cơ sở hỗ trợ cho quốc gia, cơ quan địa chính các cấp, các ngành liên quan... có nhu cầu quản lý, truy vấn thông tin về đất đai giúp chọn lựa những kỹ thuật và quản lý.	Khoa MT&TN TN
59	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai	02	- Vấn đề sử dụng đất đai trên thế giới. - Đất đai và nguồn tài nguyên đất đai - Phân vùng, lĩnh vực và phát triển bền vững tài nguyên đất đai. - Các phương pháp/công cụ trong đánh giá sử dụng bền vững tài nguyên đất đai. - Ứng dụng toán tối ưu trong quy hoạch sử dụng bền vững đất đai.	Khoa MT&TN TN
60	MT419	Quy hoạch sử dụng đất	03	Với những áp lực và hiện trạng sử dụng đất đi như hiện nay cho thấy nguồn tài nguyên đất đai ngày càng khan hiếm và có giới hạn. Do đó, đòi hỏi phải có sự đối chiếu hợp lý giữa các kiểu sử dụng đất đai và loại đất đai để đạt được khả năng tối đa về sản lượng ổn định và an toàn lương thực, đồng thời cũng bảo vệ được môi trường sinh thái và môi trường đang sống. Quy hoạch sử dụng đất đai là nền tảng trong tiến trình này. Quy hoạch sử dụng đất đai là yếu tố chính trong tất cả yêu cầu phát triển và bảo vệ các vùng đất đai nông nghiệp. nội dung của môn học đi từ tổng quát đến chi tiết giúp người học nắm được các vấn đề cơ bản của quy hoạch sử dụng đất đai, các hướng dẫn về sử dụng đất đai và quy hoạch, văn bản pháp luật có liên quan và các hệ thống hỗ trợ trong quy hoạch sử dụng đất đai.	Khoa MT&TN TN
61	NN259	Phân hạng và định giá đất	02	Môn học cung cấp kiến thức về phân hạng và định giá đất, giúp sinh viên hiểu được sự tác động của các yếu tố tự nhiên xã hội đến việc hình thành giá trị và giá trị sử dụng đất đai từ đó hình thành nên giá đất. Ngoài ra sinh viên được cung cấp kiến thức các phương pháp phân hạng đất đai dựa vào các yếu tố tự nhiên có tác động đến việc sử dụng đất đai, các yếu tố xã hội, thông qua sự đáp ứng cơ sở hạ tầng làm cơ sở cho việc thực hành trên cơ sở thực tế đất ở đô thị, quan sát đánh giá và ghi nhận các điều kiện tác động đến hạng và giá đất. Đây là kiến thức cơ bản giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng công tác về lĩnh vực quản lý đất đai tại các xã, phường, tại các phòng Tài Nguyên Môi Trường các Quận, Huyện và Sở Tài Nguyên Môi Trường.	Khoa MT&TN TN

62	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản	03	Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thị trường bất động sản ngày càng được hình thành và phát triển. Ngày nay, thị trường bất động sản đã trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống các loại thị trường của nền kinh tế quốc gia, nó có những đóng góp đáng kể vào việc ổn định xã hội và thúc đẩy nền kinh tế đất nước. Môn học nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản: thực trạng thị trường bất động sản Việt Nam và một số nước trên thế giới; định giá, đăng ký, thông tin và kinh doanh bất động sản; những giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam.	Khoa MT&TN TN
63	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai	02	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản pháp luật về thanh tra như: Khái niệm, hình thức, nguyên tắc hoạt động thanh tra; lịch sử ngành thanh tra; cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của hệ thống thanh tra chuyên ngành đất đai, thanh tra viên, trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành một cuộc thanh tra cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động thanh tra.	Khoa Luật
64	MT223	Mô hình hóa trong quản lý đất đai	02	Nội dung của học phần được phân thành 2 phần lý thuyết và thực tập. Phần lý thuyết gồm các nội dung cơ bản về mô hình hóa: tiến trình vận hành mô hình: phương pháp lập ô hình đa tác tử; phương pháp hiệu chỉnh các thông số; phương pháp kiểm định kết quả và ứng dụng mô hình hóa trong dự báo các yếu tố về dân số, sử dụng đất phục vụ công tác quản lý đất đai. Phần thực tập gồm 4 bài thực tập được thiết kế để hướng dẫn sinh viên từng bước xây dựng một mô hình trong lĩnh vực tài nguyên đất đai bằng phần mềm GAMA với 4 nội dung chính: Xây dựng một mô hình đa tác tử; kết xuất kết quả mô phỏng dạng đồ họa và biểu đồ; cân chỉnh tham số và kiểm định mô hình, xây dựng các kịch bản dự báo ứng dụng trong quản lý đất đai.	Khoa MT&TN TN
65	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị	03	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm, các loại hình kiến trúc cảnh quan, các khuynh hướng phát triển nghệ thuật thiết kế cảnh quan đô thị. Các nguyên tắc đồ họa, thiết kế cảnh quan đô thị. Các kiến thức về đặc điểm tự nhiên và xã hội tác động đến việc thiết kế cảnh quan. Mối quan hệ giữa không gian cảnh quan với không gian đô thị. Các thông số kỹ thuật cơ bản trong thiết kế, công trình, cây xanh đô thị, kiến thức về các phần mềm đồ họa, thiết kế bản vẽ dạng 2D, 3D.	Khoa MT&TN TN
66	NN298	Viễn thám ứng dụng	02	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý cơ bản của viễn thám: cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận, đặt điểm ảnh của vệ tinh, đặc điểm các hệ thống viễn thám; hệ thống chụp ảnh thụ động và chủ động, quy trình phân tích và xử lý ảnh viễn thám, nhằm tăng cường, nâng cao khả năng ứng dụng và khai thác các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể và ứng dụng của ngành quản lý đất đai và tài nguyên thiên nhiên.	Khoa MT&TN TN

67	MT225	Kỹ năng chuyên ngành	02	Nội dung được thiết kế và xây dựng các nội dung tương ứng với điều kiện thực tế ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp của ngành quản lý đất đai như cấu trúc, hình thức hoạt động của các cơ quan trong ngành, các kỹ năng trong quan hệ, tổ chức, giải quyết xử lý các tình huống chuyên môn. Nội dung được tổ chức dạng các chuyên đề hợp với phương pháp giảng dạy mới, chú trọng vào các tình huống trong thực tế.	Khoa MT&TN TN
68	MT458	Rèn nghề Quản lý đất đai	02	Học phần sẽ truyền đạt cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ cần có trước khi tốt nghiệp để thuận lợi hơn khi bắt đầu làm ở các cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai.	Khoa MT&TN TN
69	NN261	Thực tập Chuyên ngành QLDD	02	Học phần sẽ truyền đạt cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ ở những cơ quan chuyên môn khác nhau, tùy theo đặc thù cơ chế quản lý của từng địa phương, sinh viên sẽ có kiến thức rộng về cách thức ứng dụng chuyên môn đã học vào thực tế một cách khéo léo, phù hợp để thuận lợi hơn khi bắt đầu làm việc ở các cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai.	Khoa MT&TN TN
70	NN521	Phong Thủy	02	Sinh viên sẽ được giới thiệu khái quát về phong thủy, các kiến thức cơ bản của phong thủy, cơ sở của học thuyết phong thủy, các trường phái trong phong thủy, pháp khí trong phong thủy, các ứng dụng của phong thủy hiện nay: phong thủy trong thiết kế cảnh quan, nội thất... và các bài tập ứng dụng khác.	Khoa MT&TN TN
71	MT240	Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai	02	Môn học cung cấp các phương pháp thu thập thông tin tài nguyên đất đai, cách chọn mẫu nghiên cứu, thiết kế bảng câu hỏi và cách xử lý thông tin thu thập được.	Khoa MT&TN TN
72	MT226	Thống kê địa lý	02	Bên cạnh việc giới thiệu chung về học phần, nguồn tài liệu tham khảo, phân chia nhóm học tập, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự quan hệ và biến động không gian và thời gian các đặc tính đất đai, cũng như các phương pháp đánh giá, nội suy không trên cơ sở sử dụng các phần mềm chuyên ngành.	Khoa MT&TN TN
73	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai	02	Thiên tai và quản lý rủi ro là môn học xuất phát từ quá trình phát triển KT-XH trên quy mô toàn cầu, kết quả là tăng lượng khí thải nhà kính dẫn đến hiện tượng ấm lên toàn cầu, nước biển dâng, ... tất cả hiện tượng trên đưa đến các hiện tượng thời tiết cực đoan ở phạm vi khu vực như lũ lụt, hạn hán, bão, nhiệt độ tăng và mưa trái mùa, ... từ đó gây ra các thiệt hại nặng nề cho môi trường và các hệ sinh thái. Môn học cung cấp cho học viên cơ hội tham gia, phân tích các tác động của thiên tai và đề xuất giải pháp quản lý rủi ro ở địa phương vùng ĐBSCL, công tác phòng chống và ứng phó với bão lũ ở một số vùng miền trên cả nước, ...	Khoa MT&TN TN

74	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai	02	Tài nguyên thiên nhiên bao gồm 2 loại chính đó là tài nguyên có thể tái tạo được và tài nguyên không thể tái tạo được. Cả 2 loại tài nguyên này đều có thể bị cạn kiệt trong tương lai nếu con người không quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên này. Kinh tế tài nguyên đất đai là một dạng tài nguyên có thể tái tạo được và cũng nằm chung quy luật này. Kinh tế tài nguyên đất đai là một môn học có sự gắn kết giữa những vấn đề lý luận trong kinh tế và các vấn đề kỹ thuật liên quan đến sử dụng đất. Việc vận dụng các quy luật kinh tế trong nghiên cứu nguồn lực vô cùng cần thiết. Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản giúp các nhà quản lý có thể đưa ra các ứng xử hợp lý trong việc sử dụng nguồn lực trên cơ sở thực tế của mình và giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các chính sách quản lý phù hợp khuyến khích người dân nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất của họ.	Khoa MT&TN TN
75	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	02	Thay đổi sử dụng đất xảy ra do nhiều nguyên nhân có thể là do quy hoạch sử dụng đất của Chính phủ, do thị trường hay do biến đổi khí hậu, ... Thì việc thay đổi sử dụng đất dưới bất cứ hình thức nào cũng tác động lớn đến sinh kế nông hộ. Để ứng phó với tình huống mới và hạn chế những tổn thương cho nông hộ thì cần thiết phải dựa vào nguồn lực sẵn có của họ để phát triển. Khung sinh kế bền vững trình bày những tác nhân chính ảnh hưởng đến sinh kế của con người và mối quan hệ giữa các nhân tố đó. Nó có thể được sử dụng cho các hoạt động thực tiễn. Khung sinh kế lấy con người làm trung tâm. Nó không vận hành như một đường thẳng và cũng không hàm ý trình bày một hình thức. nhằm mục đích giúp các đối tác với tầm nhìn khác nhau tham gia tranh luận về những yếu tố ảnh hưởng sinh kế, tầm quan trọng và tương tác nhau: điều này giúp tìm ra những điểm thích hợp để hỗ trợ sinh kế.	Khoa MT&TN TN
76	MT199	Anh văn chuyên ngành tài nguyên và môi trường	02	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về Tài nguyên và môi trường, giúp sinh viên hiểu biết các thuật ngữ chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu anh văn chuyên ngành	Khoa MT&TN TN
77	XH019	Pháp văn chuyên môn khoa học và công nghệ	02	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực khoa học công nghệ, như giới thiệu bản thân (tên tuổi, nghề nghiệp, đào tạo...), giới thiệu các hoạt động khoa học kỹ thuật, trình bày các dự án trong lĩnh vực khoa học công nghệ, trao đổi thư từ chuyên môn... trong đó chú trọng đến từ vựng chuyên ngành kỹ thuật. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
78	NN377	Hệ thống canh tác	02	Nội dung của học phần bao gồm các nội dung liên quan đến lĩnh vực cây trồng, chăn nuôi và thủy sản, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của một vùng. Nội dung học phần gồm 6 chương Chương 1: Khái niệm về hệ thống canh tác.	Khoa Nông nghiệp

				Chương 2: Yêu cầu của hệ thống canh tác Chương 3: Khảo sát đặc điểm vùng nghiên cứu Chương 4: Đánh giá thích nghi, trở ngại và đề xuất giải pháp Chương 5: Giải pháp kỹ thuật của hệ thống canh tác Chương 6: Đưa ra sản xuất	
79	MT261	Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai	02	Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về đất đai và nguồn tài nguyên đất đai, tình hình sử dụng đất đai ở Việt Nam và trên Thế Giới; phân vùng, lĩnh vực và phát triển bền vững tài nguyên đất đai; các phương pháp công cụ quản lý tài nguyên đất đai nhằm nâng cao kiến thức về quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai; ứng dụng toán tối ưu trong quy hoạch sử dụng bền vững đất đai.	Khoa MT&TN TN
80	MT262	Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai	02	Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về tài nguyên đất đai, tình hình sử dụng đất: công cụ quản lý tài nguyên đất đai nhằm nâng cao kiến thức về quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai	Khoa MT&TN TN
81	MT263	Xử lý số liệu đo đạc	02	Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết sai số ngẫu nhiên, các khái niệm về mô hình hàm số và các mô hình ngẫu nhiên của bình sai trắc địa. Nghiên cứu các phương pháp bình sai trắc địa, đặt cơ sở tốt cho việc học tập và nghiên cứu bình sai lưới trắc địa.	Khoa MT&TN TN
82	MT404	Báo cáo chuyên đề Quản lý đất đai	02	Môn học cung cấp kiến thức và giới thiệu bản chất logic của nghiên cứu khoa học và các giả thuyết khoa học. Phương pháp xây dựng cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập và hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài. Cách viết một đoạn văn khoa học. Chuẩn bị file báo cáo và kỹ năng thuyết trình	Khoa MT&TN TN
83	MT406	Kỹ thuật và ứng dụng UAV	02	Khái quát về hệ thống máy bay không người lái; quy trình thiết kế bay chụp, tính toán độ cao máy bay, số đường bay, số ảnh chụp và tổng thời gian bay chụp; các phần mềm mã nguồn mở và phần mềm thương mại có thể sử dụng cho công tác xử lý ảnh thu nhận; Công tác thiết kế điểm khống chế mặt đất phục vụ cho công tác bay chụp; Thực nghiệm bay chụp với máy bay trang bị máy ảnh 3 kênh RGB; xây dựng bản đồ mô hình số bề mặt và bản đồ trực ảnh bằng dữ liệu UAV; ứng dụng UAV trong theo dõi nông nghiệp và Quản lý đất đai	Khoa MT&TN TN
84	MT264	Quản lý công trình xây dựng đô thị	02	Môn học quản lý công trình xây dựng đô thị có nội dung cơ bản về cách thức quản lý dự án xây dựng và kiểm tra chất lượng của dự án. Nhận biết được các dự án và công việc của từng giai đoạn đó. Song song với việc tìm hiểu các văn bản pháp luật quy định về đầu tư xây dựng công trình xây dựng. Đồng thời trang bị cho sinh viên một số phương pháp tác động vào dự án trong quá trình thực hiện dự án nhằm đảm bảo chất lượng theo yêu cầu đề ra.	Khoa MT&TN TN

85	MT265	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính	02	Môn học Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nhằm giúp học viên hiểu các cách tiếp cận để tìm hiểu và xây dựng một hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. Các kiến thức này bổ sung cho các học phần sử dụng dữ liệu như Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Hệ thống thông tin đất đai, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính. Nội dung của học phần được phân thành 2 phần lý thuyết và bài tập. Phần lý thuyết gồm các nội dung lý thuyết liên quan về khái niệm và mô tả hệ thống thông tin địa chính, cách điều tra thu thập dữ liệu cho hệ thống thông tin địa chính; phương pháp phân tích hệ thống thông tin chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo mô hình Thực thể - Kết hợp; Phương pháp chuyển đổi mô hình phân tích sang cơ sở dữ liệu quan hệ; Phương pháp thiết kế giao diện hệ thống dùng cho quản lý dữ liệu đất đai. Phần bài tập gồm các bài tập thực hành phân tích hệ thống, xây dựng mô hình cơ sở dữ liệu, thiết kế giao diện trong các tình huống quản lý dữ liệu thuộc chuyên ngành tài nguyên đất đai.	Khoa MT&TN TN
86	MT453	Tiểu luận tốt nghiệp Quản lý đất đai	06	Học phần giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai tự ôn lại các kiến thức cơ bản chuyên ngành quản lý đất đai, vận dụng kiến thức vào việc xử lý công việc thực tế tại đơn vị thực tập. Nắm bắt cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị quản lý nhà nước về đất đai.	Khoa MT&TN TN
87	NN503	Luận văn tốt nghiệp quản lý đất đai	14	Luận văn tốt nghiệp ngành quản lý đất đai giúp sinh viên nghiên cứu được một đề tài nghiên cứu khoa học chuyên sâu về lĩnh vực quản lý đất đai qua việc làm đề cương, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, viết và trình bày như một báo cáo khoa học	Khoa MT&TN TN

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

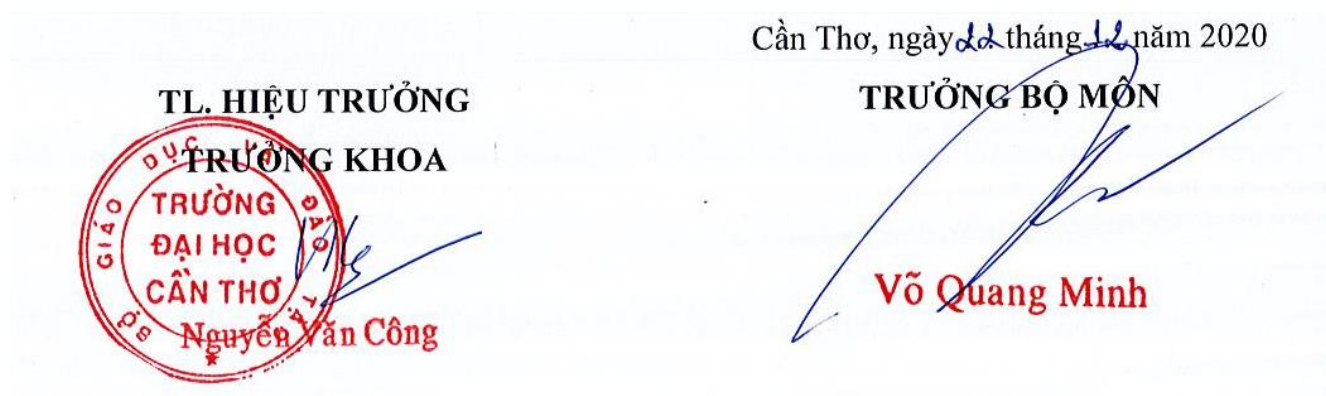
5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.



PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN